TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2025/DS-PT
Ngày 17-4-2025
V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Hưng;

Bà Trịnh Ngọc Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Trương Khang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chia di sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 273/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 99/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Phước T, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số A, Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Thái B - Văn phòng Luật sư Phạm Thái B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A; địa chỉ: Số D, tổ C, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số F, Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Hồng Q, sinh năm 1945; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

3.2. Bà Lê Thị L, sinh năm 1957; nơi cư trú: Tổ H, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị L: Ông Lê Văn S, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 25/12/2020) (có mặt).

3.3. Ông Lê Văn P, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

3.4. Bà Lê Thị B1, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị B1: Ông Lê Văn S, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 24/12/2020) (có mặt).

3.5. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Đ: Ông Lê Văn S, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 17/11/2014) (có mặt).

3.6. Ông Lê Thanh Hiếu N, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Thanh Hiếu N: Ông Lê Văn S, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 10/9/2024) (có mặt)

3.7. Ông Lê Thanh Hòa T1, sinh năm 2001; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Thanh Hòa T1: Ông Lê Văn S, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 10/9/2024) (có mặt).

3.8. Ông Lê Hữu H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3.9. Bà Ngô Thị V, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3.10. Anh Lê Hoài P1, sinh năm 2007 (vắng mặt);

3.11. Anh Lê Hữu T2, sinh năm 2012 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của anh Lê Hoài P1 và anh Lê Hữu T2: Ông Lê Hữu H, sinh năm 1978 và bà Ngô Thị V, sinh năm 1986, là người đại diện theo pháp luật – cha mẹ ruột của anh P1 và anh T2 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.

3.12. Chị Lê Thị Ngân T3, sinh năm 2012 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của chị Lê Thị Ngân T3: Ông Lê Văn S, sinh năm 1966, là người đại diện theo pháp luật – cha ruột của chị T3 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.

3.13. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T4: Ông Lê Phước T, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 09/6/2021) (có mặt).

3.14. Bà Lê Thị Phước D, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Phước D: Ông Lê Phước T, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 09/6/2021) (có mặt).

3.15. Ông Lê Phước T5, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Phước T5: Ông Lê Phước T, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 09/6/2021) (có mặt).

3.16. Ông Lê Văn P2, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn P2: Ông Lê Phước T, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 09/6/2021) (có mặt).

3.17. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ trụ sở: Khóm V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Nguyễn Thiện T6, chức vụ: Phó Trưởng phòng, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 24/GUQ-UBND ngày 18/03/2025) (vắng mặt).

4. Người kháng cáo:

4.1. Ông Lê Phước T là nguyên đơn trong vụ án.

4.2. Ông Lê Hồng Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

4.3. Bà Lê Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Phước T trình bày và có ý kiến như sau:*

Cha ông là cụ Lê Văn P3, sinh năm 1924 (chết năm 2012), mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Ở, sinh năm 1930 (chết năm 2008), có 06 người con, gồm:

- Ông Lê Hồng Q, sinh năm 1945; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1957; nơi cư trú: Tổ H, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.

- Ông Lê Phước T, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.

- Ông Lê Văn S, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.

- Ông Lê Văn P, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người thừa kế của ông Lê Hùng C, sinh năm 1974 (chết năm 2004) là ông Lê Thanh Hiếu N, sinh năm 1994 và ông Lê Thanh Hòa T1, sinh năm 2001; cùng nơi cư trú: Tổ C, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.

Ông Lê Phước T được Ủy ban nhân dân huyện C cấp diện tích đất 503,7m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04990/QSDĐ/mF ngày 17/6/2002, nguồn gốc đất là của cha mẹ (ông Lê Văn P3, bà Nguyễn Thị Ở) cho ông khi còn sống. Khi Nhà nước đo đại trà phần đất cha ông là người chỉ ranh giới, có tứ cận ký, đồng thời khi đo đất cấp cho ông thì trên đất có nhà của bà Lê Thị L, bà L có ký tên trong hồ sơ cấp đất, trên đất có nhà của ông, sau này bà L đã di dời nhà đi nơi khác, nhà của ông cũng dời về khu dân cư ở (không nhớ năm nào). Đến năm 2010, ông S tự ý cất nhà ở trên diện tích đất của ông, khi đó gia đình ông đi làm ăn xa không ai hay biết. Đến năm 2011, ông trở về phát hiện và yêu cầu ông S phải tháo dỡ nhà trả lại đất cho ông nhưng ông S không đồng ý và hai bên phát sinh tranh chấp. Nay ông T yêu cầu ông Lê Văn S, bà Lê Thị Đ (vợ ông S), chị Lê Thị Ngân T3 (con ông S) phải tháo dỡ, di dời căn nhà diện tích 33,5m^2 trả lại đất cho ông và gia đình ông.

Đối với yêu cầu phản tố của ông S về yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04990/QSDĐ/mF ngày 17/6/2002 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Lê Phước T diện tích 503,7m^2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H5478mF ngày 17/6/2002 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Hùng C diện tích 805m^2, cùng tọa lạc tại xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang; yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất này cho các đồng thừa kế thì ông T không đồng ý huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông mà đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H5478mF ngày 17/6/2002 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Hùng C diện tích 805m^2, cùng tọa

lạc tại xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang; yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất này cho các đồng thừa kế.

** Bị đơn ông Lê Văn S trình bày và có ý kiến như sau:*

Thừa nhận lời khai của nguyên đơn về những người thuộc hàng thừa kế của cụ P3 và cụ Ở. Ông không đồng ý theo yêu cầu của ông T, nguồn gốc đất của cha mẹ là cụ P3 và cụ Ở chết để lại chưa chia cho các con, ông S đã cất nhà ở trên đất này từ năm 1996 do cha mẹ cho một phần đất để cất nhà ở. Năm 2009, ông S cất lại nhà để nuôi cụ P3 cho đến khi cụ P3 chết. Việc ông T đăng ký kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông và các anh em không ai hay biết, khi đó trên đất có nhà của bà Lê Thị L, đến khi ông T về yêu cầu ông di dời nhà trả lại đất thì ông mới biết đất này ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, đối với yêu cầu của ông T, ông S không đồng ý; kết luận giám định chữ ký tên của bà Lê Thị L trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T không phải do bà L ký tên.

Ông S phản tố yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04990/QSDĐ/mF ngày 17/6/2002 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Lê Phước T diện tích 503,7m^2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H5478mF ngày 17/6/2002 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Hùng C diện tích 805m^2, cùng tọa lạc tại xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang; yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất này cho các đồng thừa kế.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lê Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L là ông Lê Văn S trình bày và có ý kiến như sau:

Thừa nhận lời khai của nguyên đơn về những người thuộc hàng thừa kế của cụ P3 và cụ Ở. Bà L là chị ruột của ông S và ông T, khi cha mẹ là cụ P3 và cụ Ở còn sống chỉ chia đất ruộng cho con trai, còn bà L là con gái không được chia đất ruộng, đất ruộng bà L có được là do mua lại từ ông bà nội của bà. Đối với căn nhà bà L cất trên đất là của cha mẹ; khi còn sống cha, mẹ bà L đứng ra cất nhà cho bà L ở vào năm 1997, việc ông T kê khai quyền sử dụng đất, trên đất ngày đó có nhà của bà, bà không hay biết và cũng không có ký tên vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Bà L thống nhất việc ông S yêu cầu giám định chữ ký tên của bà trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Năm 2004, bà mua nền trên khu dân cư và dời nhà về đó ở đến nay; bà có yêu cầu độc lập hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04990/QSDĐ/mF ngày 17/6/2002 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Lê Phước T diện tích 503,7m^2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H5478mF ngày 17/6/2002 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Hùng C diện tích 805m^2, cùng tọa lạc tại xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang; yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất này.

- Ông Lê Hồng Q trình bày và có ý kiến như sau:

Thừa nhận lời khai của nguyên đơn về những người thuộc hàng thừa kế của cụ P3 và cụ Ở. Nguồn gốc đất đã cấp cho ông Lê Phước T là của cha mẹ của ông là cụ P3 và cụ Ở; khi cụ P3 và cụ Ở còn sống đã cho ông T, ông không tranh chấp với ông T; ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04990/QSDĐ/mF ngày 17/6/2002 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Lê Phước T diện tích 503,7m^2. Ông Q yêu cầu giữ nguyên diện tích đất đã cấp cho ông T. Đối với phần đất đã cấp cho ông Lê Hùng C, ông Q yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H5478mF ngày 17/6/2002 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Hùng C diện tích 805m^2, tọa lạc tại xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang vì trên đất này có nhà của ông và con ông là Lê Văn H1, khi ông C làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông không biết và không có ký tên vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, do ông đang tranh chấp với ông C nên ông C chưa được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất này.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn P là ông Lê Văn S trình bày và có ý kiến như sau:* Thừa nhận lời khai của nguyên đơn về những người thuộc hàng thừa kế của cụ P3 và cụ Ở. Ông yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04990/QSDĐ/mF ngày 17/6/2002 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Lê Phước T diện tích 503,7m^2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H5478mF ngày 17/6/2002 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Hùng C diện tích 805m^2, cùng tọa lạc tại xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang; yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất này.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị B1 là ông Lê Văn S trình bày và có ý kiến như sau:*

Chồng bà Lê Thị B1 là ông Lê Hùng C chết năm 2004, có vợ là bà Lê Thị B1 và con là ông Lê Thanh Hiếu N, ông Lê Thanh Hòa T1.

Bà B1 thống nhất theo yêu cầu của bà L, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04990/QSDĐ/mF ngày 17/6/2002 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Lê Phước T diện tích 503,7m^2, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất này. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chồng bà là ông Lê Hùng C (đã chết) bà cũng thống nhất yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H5478mF ngày 17/6/2002 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Hùng C diện tích 805m^2, để đưa vào chia thừa kế theo pháp luật; hiện bà B1 chưa nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Hùng C do sau khi ông C chết anh em có tranh chấp.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Đ và chị Lê Thị Ngân T3 là ông Lê Văn S trình bày và có ý kiến như sau:* Bà Lê Thị Đ là vợ và chị Lê Thị Ngân T3 là con của ông Lê Văn S. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước T thì bà Đ và chị T3 không đồng ý. Bà Lê Thị Đ và chị Lê Thị Ngân T3 không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

- *Người đại diện theo ủy quyền của của các ông bà Nguyễn Thị T4, Lê Thị Phước D, Lê Phước T5, Lê Văn P2 là ông Lê Phước T trình bày và có ý kiến như*

sau: Thống nhất như ý kiến trình bày của ông T. Các ông bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

* Đối với bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 19/9/2024 của Văn phòng Đ1 - Chi nhánh C1 thì các đương sự đồng ý.

- *Đối với Lê Hữu H, Ngô Thị V, Lê Hoài P1, Lê Hữu T2, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng những người này không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của họ.*

- *Ủy ban nhân dân huyện C do ông Lê Văn L1 đại diện trình bày:* Tại thời điểm cấp quyền sử dụng đất cho ông T vào năm 2002 là thực hiện theo Thông tư số: 1990/2001/TTĐC ngày 30/11/2001 của Tổng Cục địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 05/11/2001, ông T làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất, đất có nguồn gốc của ông Lê Văn P3 cho con vào năm 1993, được đoàn đo đạc lập biên bản, đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất, có tứ cận ký tên đầy đủ, trên thửa đất có 02 căn nhà của ông Lê Phước T và nhà của bà Lê Thị L, bà L có ký tên cho ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được chính quyền địa phương xét duyệt có thông báo công khai, ký tên xác nhận đầy đủ đúng theo trình tự thủ tục quy định, về nội dung hồ sơ cấp đất cho ông T thì do Tòa án xem xét.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ: Điều 26; Điều 34; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 163; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 635; Điều 645; Điều 675; Điều 676; Điều 677; Điều 685 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 2; Điều 73 của Luật đất đai năm 1993; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phước T đối với ông Lê Văn S về việc yêu cầu ông S di dời nhà trả lại diện tích đất 33,5m^2.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Văn S về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Phước T và chia di sản thừa kế theo pháp luật.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Lê Thị L về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Phước T và chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04990/QSDĐ/mF thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 14 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/6/2002 cho hộ ông Lê Phước T diện tích 503,7m^2 đất tọa lạc tại xã Ô, huyện C.

Xác định diện tích đất 503,7m^2 (theo bản trích đo hiện trạng ngày 21/12/2020 của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện C1 diện tích là 468m^2 sau khi đã trừ hành lang lộ giới thuộc quản lý của nhà nước) đất tọa lạc tại xã Ô, huyện C là di sản của cụ Lê Văn P3 và cụ Nguyễn Thị Ở, di sản được chia theo pháp luật cho các thừa kế như sau:

+ Ông Lê Phước T được hưởng diện tích 78,5m^2 tại các điểm 1, 2, 13, 14;

+ Ông Lê Hồng Q được hưởng diện tích 78m^2 tại các điểm 2, 3, 12, 13;

+ Ông Lê Văn P được hưởng diện tích 78m^2 tại các điểm 3, 4, 11, 12;

+ Ông Lê Văn S được hưởng diện tích 77,9m^2 (phần của bà Lê Thị L tại các điểm 4, 5, 10, 11) + 77,8m^2 (phần của ông Lê Văn S tại các điểm 5, 6, 9, 10) + 77,8m^2 (phần của Lê Văn Hiếu N1, Lê Thanh Hòa T1 được hưởng thừa kế thế vị của ông C tại các điểm 6, 7, 8, 9) = 233,5m^2 *(Đính kèm bảng trích đo hiện trạng ngày 21/12/2020)*

Ông Lê Văn S có nghĩa vụ hoàn lại giá trị đất cho bà Lê Thị L số tiền 31.160.000đồng (77,9m^2 x 400.000đồng/m^2 = 31.160.000đồng); hoàn cho Lê Thanh Hòa T1 và Lê Văn H2 Nên mỗi người 15.560.000đồng (77,8m^2 x 400.000đồng/m^2 = 31.120.000 đồng chia thành hai phần cho Hòa T1 và H2 Nên nên mỗi người được nhận 15.560.000đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của ông Lê Hồng Q, ông Lê Văn S, bà Lê Thị L, ông Lê Văn P, bà Lê Thị B1, Lê Văn H2 Nên và Lê Thanh Hòa T1 đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Hùng C, do các đương sự rút yêu cầu.

Bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 169/2023/DS-PT ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, phúc xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Phước T. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung do pháp luật quy định.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 237/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Điều 26; Điều 34; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 163; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 635; Điều 645; Điều 675; Điều 676; Điều 677; Điều 685 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 650, Điều 651, 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 2; Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993;

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phước T đối với bị đơn ông Lê Văn S về yêu cầu ông Lê Văn S, bà Lê Thị Đ (vợ ông S), chị Lê Thị Ngân T3 (con ông S) phải tháo dỡ, di dời căn nhà diện tích 33,5m^2 trả lại đất cho ông và gia đình ông.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phước T và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng Q về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H5478mF do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/6/2002 cho ông Lê Hùng C diện tích 805m^2, tọa lạc tại xã Ô, huyện C và chia di sản thừa kế theo pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Văn S về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04990/QSDĐ/mF do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/6/2002 cho hộ ông Lê Phước T diện tích 503,7m^2 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H5478mF do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/6/2002 cho ông Lê Hùng C diện tích 805m^2, cùng tọa lạc tại xã Ô, huyện C và chia di sản thừa kế theo pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của các ông bà Lê Thị L, Lê Văn P, Lê Thị B1, Lê Thanh H3 Nên và Lê Thanh Hòa T1 về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04990/QSDĐ/mF do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/6/2002 cho hộ ông Lê Phước T diện tích 503,7m^2 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H5478/QSDĐ/mF do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/6/2002 cho ông Lê Hùng C diện tích 805m^2, cùng tọa lạc tại xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang và chia di sản thừa kế theo pháp luật.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H04990/QSDĐ/mF do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/6/2002 cho hộ ông Lê Phước T diện tích 503,7m^2 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H5478mF do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/6/2002 cho ông Lê Hùng C diện tích 805m^2, cùng tọa lạc tại xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.

- Xác định 1.308,7m^2 đất theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 19/9/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 tại các điểm tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, có diện tích là 1308,7m^2 thuộc thửa số 02, 03, tờ bản đồ số 14 tọa lạc xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang là di sản của cụ Lê Văn P3 và cụ Nguyễn Thị Ở để lại.

- Những người thừa kế di sản của cụ Lê Văn P3 và cụ Nguyễn Thị Ở, gồm 06 người con:

1. Ông Lê Hồng Q, sinh năm 1945.

2. Bà Lê Thị L, sinh năm 1957.

3. Ông Lê Phước T, sinh năm 1964.

4. Ông Lê Văn S, sinh năm 1966.

5. Ông Lê Văn P, sinh năm 1970.

6. Ông Lê Hùng C, sinh năm 1974 (chết năm 2004), có người thừa kế gồm: ông Lê Thanh Hiếu N, sinh năm 1994 và ông Lê Thanh Hòa T1, sinh năm 2001.

Di sản của cụ Lê Văn P3 và cụ Nguyễn Thị Ở là diện tích đất 1.308,7m^2 x 400.000đồng/m^2 = 523.480.000 đồng.

Các đương sự được nhận bằng hiện vật thể hiện tại các điểm trên bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 19/9/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C1, cụ thể:

+ Ông Lê Phước T được hưởng diện tích 220,9m^2 tại các điểm 1, 7, 2, 50, 15, 55;

+ Ông Lê Văn S được hưởng diện tích 214,5m^2 tại các điểm 14, 51, 55, 15, 50, 47;

+ Ông Lê Văn P được hưởng diện tích 213,5m^2 tại các điểm 13, 52, 51, 47, 46, 48, 6;

+ Người thừa kế của ông Lê Hùng C là ông Lê Thanh Hiếu N và ông Lê Thanh Hòa T1 được hưởng diện tích 216,4m^2 tại các điểm 12, 53, 52, 13, 46, 45;

+ Ông Lê Hồng Q được hưởng diện tích 443,4m^2 tại các điểm 11, 54, 53, 12, 45, 44, 4,10, 5.

- Ông Lê Hồng Q có nghĩa vụ hoàn lại giá trị đất cho bà Lê Thị L số tiền 89.440.000 đồng (tám mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Ông Lê Văn S phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời các vật kiến trúc một phần căn nhà thuộc thửa tạm 3 tại các điểm 56, 57, 18, 19 có diện tích 6,8m^2 nằm trên phần đất của ông Lê Văn P.

- Ông Lê Văn P phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời các vật kiến trúc một phần căn nhà thuộc thửa tạm 4 tại các điểm 58, 59, 27, 26 có diện tích 20,6m^2 nằm trên phần đất của ông Lê Hùng C.

- Người thừa kế của ông Lê Hùng C là ông Lê Thanh Hiếu N và ông Lê Thanh Hòa T1 phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời các vật kiến trúc một phần căn nhà thuộc thửa tạm 5 tại các điểm 60, 61, 29, 30 có diện tích 18,0m^2 nằm trên phần đất của ông Lê Hồng Q.

(Đính kèm bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 19/9/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C1).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu

căn nhà theo quy định của pháp luật về đất đai và các quy định khác của pháp luật có liên quan theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự; chi phí tố tụng; án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

* Ngày 28/9/2024, nguyên đơn ông Lê Phước T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông; sửa hoặc hủy bản án sơ thẩm; bác toàn bộ yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của bị đơn;

* Ngày 28/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng Q có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông S, bà L, ông P và bà B1.

* Ngày 10/10/2024 , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bà được nhận hiện vật nền số 6, không đồng ý nhận giá trị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; bị đơn ông Lê Văn S vẫn giữ yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng Q, bà Lê Thị L vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông T là Luật sư Phạm Thái B có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm đã có vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng từ giai đoạn sơ thẩm lần thứ nhất năm 2014 cho đến khi xét xử sơ thẩm lại lần này, cụ thể: Ông P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án khi phía bị đơn ông S có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ P3, cụ Ở nên ông P là thuộc hàng thừa kế của cụ P3, cụ Ở. Trong hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện ông P ủy quyền cho ông S tham gia tố tụng trong vụ án theo văn bản ngày 28/10/2020 như cấp sơ thẩm ghi nhận; và tại phiên tòa hôm nay ông P có mặt cũng đã trình bày không ủy quyền cho ông S hay ai khác; hoàn toàn không nhận được thông tin, văn bản tố tụng nào của Tòa án cấp sơ thẩm và cũng không đồng ý bản án sơ thẩm. Ngoài ra, ông S thừa nhận các văn bản ký tên ông P gửi cấp sơ thẩm không phải do ông P trực tiếp ký mà do ông S làm đưa cho vợ con ông P liên hệ ông P, nên không biết có phải ông P ký không. Do đó, cấp sơ thẩm xác định sai người đại diện theo ủy quyền của ông P, đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P – không được quyền kháng cáo vì không nhận được bản án và việc đánh giá các tài liệu chứng cứ ông P ký nộp không đúng quy định, có dấu hiệu giả tạo. Vì vậy, đề nghị hủy bản án sơ thẩm và có xem xét về thẩm quyền giải quyết vụ án vì trong vụ án có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Nguyên đơn ông T có ý kiến: Thống nhất ý kiến của Luật sư B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Q có ý kiến: Ông vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, yêu cầu không hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T; đất ai ở thì ổn định, chỉ chia đất của ông C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P có ý kiến: Ông hoàn toàn không có ký văn bản ủy quyền nào cho ông S hay bà D1 tham gia tố tụng trong vụ án này; cũng như ông không được ông S thông tin hay đưa văn bản nào cho ông ký để nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm; ông không có làm đơn yêu cầu độc lập hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và không có đóng tạm ứng án phí. Thời gian qua ông đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2005, chỉ đến Tòa án huyện C một lần để hòa giải (khi đó chỉ có mặt ông T, ông Q, ông S và bà B1), ông mới trở về sinh sống tại địa phương trước Tết Nguyên Đán năm 2025. Sau khi nghe được Bản án sơ thẩm, ông không đồng ý với bản án vì ông không có yêu cầu chia đất ông T đã được cấp giấy chứng nhận; ông chỉ yêu cầu được ổn định căn nhà trên đất vì như cấp sơ thẩm tuyên buộc ông tháo dỡ một phần căn nhà, ông không có điều kiện để cất lại nhà và căn nhà là vợ chồng ông và có 02 người con sinh sống. Ngoài ra, ông yêu cầu trưng cầu giám định các chữ ký và chữ viết họ tên của ông ở các văn bản ông S đã nộp có trong hồ sơ vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L do ông S đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà L vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, không đồng ý nhận giá trị, yêu cầu được nhận hiện vật vị trí lô thứ 6 – vị trí trước đây có căn nhà cũ của bà L.

- Bị đơn ông S có ý kiến: Ông không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông T; ông đồng ý bản án sơ thẩm. Ngoài ra, qua ý kiến của ông P trình bày tại phiên tòa, ông thừa nhận tất cả các văn bản đề tên ông P đã nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm là do ông soạn hoặc viết, khi viết xong ông gửi cho bà D1 (vợ ông P) hoặc con của ông P liên hệ ký tên đưa lại cho ông đi nộp vì ông P đi làm xa không có ở nhà; ông không có chứng kiến trực tiếp có phải do ông P ký tên không vì vợ con ông P là người đưa lại các giấy tờ cho ông. Còn về việc ông P có ủy quyền cho ông không, ông chỉ nhớ giấy ủy quyền do ông P đưa ông nộp, nội dung ngày tháng không nhớ nhưng sau đó Tòa án thể hiện trên các giấy tờ ông là người đại diện ủy quyền của ông P theo giấy ủy quyền ngày 28/10/2020. Do đó, ông yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo: Do Bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (xác định không đúng người được ủy quyền của ông Lê Văn P và trong hồ sơ không có giấy ủy quyền nào của ông P ủy quyền cho ông S tham gia tố tụng; không đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – vợ, con của ông P khi tuyên buộc ông P tháo dỡ di dời một phần căn nhà), cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Phước T; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Hồng

Q, bà Lê Thị L; hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 273/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện C. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Lê Phước T, ông Lê Hồng Q và bà Lê Thị Lệ L2 trong thời hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu H, bà Ngô Thị V, anh Lê Hoài P1 và anh Lê Hữu T2 do ông H và bà V đại diện theo pháp luật và ông Nguyễn Thiện T6 đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, bị đơn ông S vẫn giữ yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Q, bà L do ông S đại diện theo ủy quyền vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, cấp sơ thẩm xác định ông Lê Văn P do ông Lê Văn S là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng (theo giấy ủy quyền ngày 28/10/2020). Qua kiểm tra tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án không có tài liệu nào thể hiện ông P ủy quyền cho ông S; chỉ có giấy ủy quyền ngày 28/10/2020 được Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện C chứng thực thể hiện người ủy quyền là ông Lê Văn P, người được ủy quyền là bà Lê Thị D1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P xác định từ trước đến nay ông không có ủy quyền cho ông S, không ủy quyền cho bà D1 hay bất cứ ai tham gia tố tụng trong vụ kiện của ông T tranh chấp với ông S; chữ ký giấy ủy quyền ngày 28/10/2020 ông S cung cấp cho Tòa án, ông xác định không phải chữ ký của ông; đồng thời, ông cũng không làm đơn yêu cầu độc lập yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Phước T; không đóng tạm ứng án phí và các văn bản ông S cung cấp tại cấp sơ thẩm có chữ ký tên của ông là không phải ông ký tên vì ông đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2005 đến trước Tết Nguyên Đán năm 2025 ông mới trở về địa phương sinh sống và ông không đồng ý với bản án sơ thẩm. Ông S xác định các văn bản đứng tên ông P do ông cung cấp cho Tòa án là do ông soạn hoặc viết nội dung, đưa cho vợ con ông P và nhận lại từ họ; không có thông tin liên hệ với ông P cũng như không chứng kiến ông P trực tiếp ký tên vào văn bản vì ông P đi làm xa không có mặt ở nhà. Như vậy, quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, cấp sơ thẩm xác định ông Lê Văn P ủy quyền cho ông Lê Văn S tham gia tố tụng là không đúng đối tượng được ủy quyền và trong hồ sơ không có giấy ủy quyền nào của ông P ủy quyền cho ông S tham gia tố tụng.

Việc cấp sơ thẩm xác định thủ tục ủy quyền của ông P không đúng và nay ông P không đồng ý bản án sơ thẩm, là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P.

Ngoài ra, tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Lê Văn P có trách nhiệm tháo dỡ, di dời các vật kiến trúc một phần căn nhà thuộc thửa tạm 4 tại các điểm 58, 59, 27, 26 có diện tích 20,6m^2 nằm trên phần đất của ông Lê Hùng C. Tuy nhiên, ông P có vợ là bà Lê Thị D1 và có 02 người con nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ hiện nay căn nhà trên phần diện tích đất tranh chấp còn có những ai đang sinh sống mà chỉ buộc ông P có trách nhiệm tháo dỡ, di dời một phần căn nhà là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ khi không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Như vậy, bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần hủy bản án sơ thẩm; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung do pháp luật quy định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Phước T, ông Lê Hồng Q và bà Lê Thị L, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Do hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nội dung vụ án nên không xem xét về nội dung yêu cầu kháng cáo của ông T, ông Q và bà L. Tuy nhiên, khi giải quyết lại, cấp sơ thẩm cần lưu ý xác định lại người đại diện theo ủy quyền của các đương sự; các yêu cầu của đương sự và khi xác định di sản cụ Lê Văn P3, cụ Nguyễn Thị Ở để lại, chia di sản theo quy định của pháp luật bằng hiện vật cho các thừa kế cần chú ý về các vật kiến trúc (các căn nhà) của các thừa kế, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để bảo đảm việc phân chia hiện vật có thể thi hành án được; cũng như cần xác minh làm rõ những người đang quản lý, sử dụng và sinh sống trong căn nhà trên diện tích đất tranh chấp để đưa họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Phước T; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hồng Q, bà Lê Thị Lệ . Hủy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với ý kiến của Luật sư Phạm Thái B về thẩm quyền giải quyết vụ án khi đương sự có hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Hội đồng xét xử xét thấy, hồ sơ vụ án dân sự được Tòa án nhân dân huyện C thụ lý và đương sự yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thụ lý yêu cầu trước ngày 01/7/2016, căn cứ mục 2 phần IV Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số 01/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thì Tòa án nhân dân cấp huyện phải tiếp

tục giải quyết theo thủ tục chung nên Tòa án nhân dân huyện C giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Sẽ được xem xét lại khi giải quyết vụ án sơ thẩm lại.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Phước T; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hồng Q, bà Lê Thị Lệ .

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 273/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Sẽ được xem xét giải quyết lại khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông Lê Phước T, ông Lê Hồng Q, bà Lê Thị L được miễn tạm ứng án phí phúc thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, Tòa Dân sự, Phòng TT-KT&THA, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Minh Châu